



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY  
**PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126**

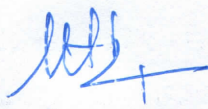
Add: 87-89, Hadingh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam  
Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038  
Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdong.com.vn

Số/No.: 24.04.03 /TN – 10

Trang/Page: 1 / 2

- Tên mẫu thử: Đèn LED Panel đổi màu P07.BLE 600x600/40W  
Name of sample
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
Customer Địa chỉ: Số 87-89, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông  
Manufacturer
- Số lượng mẫu: 01 cái  
Quantity of samples
- Ký hiệu: P07.BLE 600x600/40W  
Model
- Mã số mẫu: 24.04.03.10  
Code of sample
- Ngày nhận mẫu: 03/ 04/ 2024  
Date of reception
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014  
Standard applies TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014
- Kết quả: Xem trang 02/ 02  
Result

Thử nghiệm viên/Tester  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)

  
Nguyễn Minh Thư

Hanoi, Date of 11/ 04/ 2024  
KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)



Kim Tuấn Anh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****Test Results**

| TT/<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Specifications                                                  | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method             | Yêu cầu<br>Requirement                 | Kết quả<br>Result |        |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|--------|
| 1         | Ghi nhãn                                                                        |                | TCVN 7722-1:2017/<br>IEC 60598-1:2014      | Rõ, đủ độ bền                          | Đạt               |        |
| 2         | Thử nóng ẩm trong 48 giờ ở nhiệt độ (20 ÷ 30) °C, độ ẩm tương đối (91 ÷ 95) %RH |                | TCVN 10885-2-1:2015/<br>IEC 62722-2-1:2014 |                                        |                   |        |
| 2.1       | Điện trở cách điện                                                              | MΩ             |                                            | ≥ 4                                    | > 200             |        |
| 2.2       | Thử nghiệm đô bền điện áp 1 440 V/ 1 phút, tần số 50 Hz                         |                |                                            | Không bị phóng điện bề mặt, đánh thủng | Đạt               |        |
| 3         | Thông số điện, quang khi cấp điện áp nguồn 220V/50Hz                            |                |                                            |                                        | 6500 K            | 3000 K |
| 3.1       | Công suất                                                                       | W              |                                            | ≤ 40 + 10%                             | 37,8              | 37,7   |
| 3.2       | Dòng điện                                                                       | mA             |                                            | --                                     | 175,5             | 175,2  |
| 3.3       | Hệ số công suất                                                                 |                |                                            | ≥ 0,9 – 0,05                           | 0,979             | 0,979  |
| 3.4       | Quang thông                                                                     | lm             |                                            | ≥ 3 600 - 10%                          | 4 281             | 3 995  |
| 3.5       | Hiệu suất phát sáng                                                             | lm/W           |                                            | ≥ 90 - 20%                             | 113,3             | 105,9  |
| 3.6       | Nhiệt độ màu tương quan (CCT)                                                   | K              |                                            | --                                     | 6 212             | 2 984  |
| 3.7       | Chỉ số thể hiện màu (CRI)                                                       |                |                                            | ≥ 80 – 3                               | 83,3              | 82,0   |